

Bản án số: **173/2024/HS-ST**
Ngày 16 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Viết Tuấn

2. Bà Phan Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thiện Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 229/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Huỳnh T; sinh năm 1986; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: F Nguyễn Đ, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huỳnh D và bà Nguyễn Thị T1; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 29/3/2021, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố H định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng (quyết định số 87/QĐ-TA). Đến ngày 05/4/2022, chấp hành xong quyết định.

Nhân thân: Ngày 10/4/2008, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố H 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (bản án số: 68/2008/HSST). Bị cáo được đặc xá ngày 30/8/2010; đã đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 16/12/2008, đã nộp phạt sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 17/6/2010.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2024 đến nay. (có mặt)

- Bị hại: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 2003; nơi cư trú: 4 T, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 28/02/2024, Trần Huỳnh T2 đi bộ ngang qua nhà số F Nguyễn Đ, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, lúc này T2 nhìn thấy trên bàn ở giữa nhà có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh của anh Nguyễn Hữu P, không người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, T2 quan sát xung quanh 03 lần, không thấy ai trông coi nên T2 lén lút đi vào trong nhà, dùng tay phải cầm lấy chiếc điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh trên bàn, bỏ vào túi quần bên phải. Do có tiếng chó sủa nên T2 đi nhanh ra cửa tẩu thoát, không ai phát hiện và đuổi theo.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T2 đi bộ đến cửa hàng Đ1 (địa chỉ: Y Tùng Thiện V, Phường A, Quận H) để mở khóa điện thoại vừa trộm được thì bị chị Trần Huệ B (mợ của anh P) phát hiện hình nền trên điện thoại T2 đang cầm trên tay là của anh P vừa bị mất trộm nên đứng dậy giật lấy chiếc điện thoại nhưng không được. Sau đó, chị B đứng ở cửa chặn T2 lại thì giữa T2 và chị B xảy ra giằng co, T2 xô ngã chị B để chạy ra đường tẩu thoát. Sau đó, T2 đi bộ đến bến xe Q bán chiếc điện thoại trên cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 2.500.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T2 đón xe đến nhà người bạn tên N (quen biết năm 2018, không rõ lai lịch) ở tỉnh Bình Thuận (không rõ địa chỉ) để xin ở nhờ vì giận gia đình.

Khoảng đầu tháng 4/2024, T2 được gia đình vận động ra đầu thú. Đến ngày 24/4/2024, Trần Huỳnh T2 đến Công an P1, Quận H để đầu thú. Quá trình điều tra, Trần Huỳnh T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản kết luận kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 24/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản phục vụ công tác tố tụng hình sự Quận H, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh lá, dung lượng 256 GB trị giá 10.815.000 đồng.

Dữ liệu điện tử: 01 USB màu bạc ghi lại đoạn hình ảnh liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 209/CT-VKS-Q8 ngày 16/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Huỳnh T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Huỳnh T2. Thay đổi quyết định truy tố bị cáo T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thành truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 319 của Bộ luật tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát rút một phần nội dung truy tố đối với bị cáo. Xét việc thay đổi nội dung quyết định truy tố của Viện kiểm sát không làm xấu đi tình trạng của bị cáo, không gây bất lợi cho bị cáo nên có căn cứ chấp nhận vì phù hợp quy định tại Điều 306 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 28/02/2024, tại nhà số F Nguyễn Đ, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Huỳnh T2 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Hữu P là 01 chiếc điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh trị giá là 10.815.000 đồng.

[4] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[5] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Trần Huỳnh T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị

cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện ra đầu thú nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và từng bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nên Hội đồng xét xử cũng xem xét để quyết định hình phạt phù hợp với nhân thân bị cáo.

[9] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Dữ liệu điện tử: 01 USB màu bạc chứa đoạn hình ảnh về hành vi phạm tội của bị cáo, có giá trị chứng minh tội phạm nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Hữu P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000 đồng. Xét thấy, thiệt hại của bị hại là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Đối với chị Trần Huệ B (mợ của anh P) trong quá trình phát hiện ra T2 đang giữ chiếc điện thoại của P bị lấy trộm trước đó, đã bị T2 xô ngã, chị B không có yêu cầu giám định thương tích và cũng không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với người đàn ông mua chiếc điện thoại do bị cáo phạm tội mà có, do không xác định được lai lịch, Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về án phí: Căn cứ các điều 23, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Huỳnh T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/4/2024.

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 468 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Huỳnh T2 bồi thường cho bị hại Nguyễn Hữu P số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Huỳnh T2 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc